TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **651**/2025/HSPT
Ngày: 18/07/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thanh Tú
+ Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành
Bà Nguyễn Thị Trâm Anh
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thuý Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 453/2025/HSPT ngày 16/05/2025 do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Trọng V (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại thành phố Hà Nội; Giới tính:Nam; ĐKNKTT: 22A2 khu tập thể N, phường P, quận H, thành phố Hà Nội và chỗ ở: P02-2304 khu đô thị T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Dược sỹ; Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Nguyễn Quốc D (đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị L; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Họ và tên vợ: Lê Thị Thu T; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019; D1 chỉ bản số 245 lập ngày 30/5/2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2001 Công an phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Trần Quốc H – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Quốc H – Đoàn luật sư thành phố H -Vắng mặt tại phiên tòa.
2. Bà Nguyễn Ngọc M – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Quốc H – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên tòa.
3. Ông Hoàng Anh T1 – Luật sư Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H - Có mặt tại phiên tòa.
4. Ông Phí Văn H1 – Luật sư Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Bích N (tức H2), sinh năm 1976

ĐKNKTT: P102 C45 phố M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: PL04-09 khu P, khu V, phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên toà

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Chu Văn Q, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn H xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Có mặt tại phiên toà

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:

1. Ông Nguyễn Đức H3 – Luật sư Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Phương A – Luật sư Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H – Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Đỗ Thị Ánh T2 - Luật sư Công ty L3 – Đoàn luật sư thành phố H - Có mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị Liên A1, sinh năm 1956.

Trú tại: Số B, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Anh Lê Minh T3, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn H, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội

4. Ông Đỗ Đức N1, sinh năm 1949;

Trú tại: Khu tập thể B, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Bà Liên A1, anh T3, chị T4, ông N1 đều vắng mặt tại phiên toà

5. Bà Trần Thị L, sinh năm 1955.

Trú tại: Phố G, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 13/3/2023, bà Nguyễn Thị Bích N là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần D2 (là người khuyết tật nặng, dạng khuyết tật vận động), có giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2016 cùng với Nguyễn Trọng V - là Giám đốc Công ty Cổ phần D2, là em trai ruột của bà N và các nhân viên là trưởng các bộ phận tiến hành họp giao ban công ty tại trụ sở Công ty (địa chỉ: cụm B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội). Tại cuộc họp, V và bà N xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại cãi nhau trong việc quản lý điều hành Công ty. Lúc này, bà Đinh Thị Liên A1 là Phó giám đốc Công ty đang ngồi cạnh, phía bên phải bà N đi ra can ngăn bà N và V không cãi nhau nữa thì V đứng dậy yêu cầu mọi người trong phòng giải tán về phòng ban làm việc. V đi vòng ra phía sau lưng, vị trí bà N đang ngồi sang bên phải để đi ra ngoài phòng họp. Khi đi ra đến giữa phòng họp, cách vị trí bà N đang ngồi trên ghế khoảng 3-4 mét, V quay người lại cầm quyển sổ trên tay ném về phía bà N nhưng không trúng. Sau đó, V tiến tới gần, cách bà N khoảng 01m rồi dùng chân phải đạp vào bên phải người của bà N làm bà N ngã nghiêng bên trái xuống

nền nhà. Lúc này, anh Lê Minh T3 là nhân viên công ty đã chạy đến can ngăn, đẩy V đi ra ngoài phòng họp. Hậu quả: bà Nguyễn Thị Bích N bị gãy nền xương bàn III, IV tay trái.

Ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Thị Bích N có đơn trình báo đến Công an huyện T đề nghị xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật, đồng thời giao nộp 01 File video tên "*ch05_20230313073416.mp4*" dung lượng 804,780 Kb được lưu giữ trong USB ghi lại nội dung vụ việc.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2797 ngày 25/4/2023 của V1 - Bộ C, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với gãy xương bàn III, IV bàn tay trái của bà Nguyễn Thị Bích N tại thời điểm giám định là 06% (sáu phần trăm). Do hiện tại bà Nguyễn Thị Bích N bột cẳng - bàn nên chưa đánh giá di chứng chấn thương (nếu có). Cơ chế hình thành thương tích của bà Nguyễn Thị Bích N: Gãy xương bàn III, IV bàn tay trái do vật tày gây nên.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3679 ngày 25/5/2023 của V1 - Bộ C, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với gãy xương bàn III, IV bàn tay trái của bà Nguyễn Thị Bích N tại thời điểm giám định bổ sung là 10% (mười phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định số 5229 ngày 31/7/2023 của V1 - Bộ C, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trọng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản làm việc ngày 11/5/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin: bà Nguyễn Thị Bích N là đối tượng người khuyết tật được hưởng chế độ trợ cấp xã hội từ tháng 4/2017, thuộc trường hợp đối tượng người khuyết tật nặng.

Ngày 02/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C ra thông báo về việc tiếp nhận tố giác về tội phạm đối với Đơn tố giác tội phạm của ông Phí Văn H1 (sinh năm 1971, ĐKNKTT: Phòng 202, Tòa A phố H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội). Nội dung: Tố giác ông Trịnh Xuân B - Nguyên Chủ tịch UBND xã Đ và ông Trịnh Văn T5 - Cán bộ Lao động thương binh xã hội xã Đ có hành vi "Giả mạo trong công tác" trong việc cấp giấy xác nhận khuyết tật đề ngày 26/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Bích N (sinh năm 1976; sinh sống tại phố G, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội); ông Đỗ Hữu H4 - Chủ tịch UBND xã, ông Trịnh Văn T6 - Phó Chủ tịch UBND xã và bà Hoàng Ngọc T7 - cán bộ Lao động thương binh xã hội xã Đ có hành vi "Không tố giác tội phạm". Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được. Ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 1683 và ra thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 2803 đối với đơn tố giác của ông Phí Văn H1.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu Nguyễn Trọng V phải bồi thường tổng số tiền là 220.000.000 đồng gồm: Chi phí khám, điều trị thương tích: 10.000.000 đồng (trong đó: tiền khám và điều trị có hoá đơn tại Bệnh viện đa khoa huyện T là 2.708.484 đồng); tiền bồi thường tổn hại tinh thần, sức khoẻ: 90.000.000 đồng; tiền lương bị mất thu nhập trong 04 tháng: 120.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 21/2/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng V phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm c, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, điều 585, 590 Bộ luật dân sự;

Xử phạt Nguyễn Trọng V 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng V cho UBND phường M, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Trọng V bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích N tổng số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng, được trừ vào số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo Biên lai số 0016465 ngày 05/11/2024, còn phải nộp tiếp số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng V kháng cáo toàn bộ bản án trừ phần bồi thường dân sự do bị cáo tự nguyện chấp nhận bồi thường với lý do hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung bản án không phù hợp với diễn biến sự thật khách quan tại phiên toà, oan sai đối với bị cáo. Người bị hại Nguyễn Thị Bích N kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo theo hướng xử tù giam và xem xét hành vi cố tình vi phạm tố tụng nghiêm trọng của thẩm phán cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong nội dung Đơn kháng cáo gửi đến Toà án. Bị cáo xin rút đơn kháng cáo và xuất trình các biên lai nộp tiền bồi thường, tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo, người bị hại là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên toà bị cáo rút đơn kháng cáo nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Trọng V về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt "Có tính chất côn đồ" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là không có căn cứ vì giữa bị cáo và người bị hại có nhiều mâu thuẫn căng thẳng từ trước khi xảy ra sự việc, hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ. Về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về nội

dung kháng cáo của người bị hại: Xét thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến tăng hình phạt và xử phạt tù giam đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 21/2/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng V phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Trọng V 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại tranh luận: Người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì bị cáo không có thái độ ăn năn hối cải. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo và luật sư đã có nhiều băn khoăn về tình trạng khuyết tật của người bị hại ; không xin lỗi người bị hại ; phương thức bồi thường thiệt hại cũng không thể hiện được thái độ thực lòng, bị cáo không gặp trực tiếp người bị hại để bồi thường và xin lỗi người bị hại mà lại nộp tại tiền bồi thường tại cơ quan thi hành án; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, nuôi 02 con nhỏ nhưng bị cáo không nhanh chóng bồi thường ngay tại cấp sơ thẩm sau khi thoả thuận xong. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết Phạm tội có tính chất côn đồ mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là không chính xác, đề nghị áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng tình tiết tặng nặng Phạm tội 02 lần trở lên, bà N đã bị bị cáo đánh 02 lần thể hiện qua 02 Biên bản ghi nhận sự việc đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý vào ngày 9/4/2001, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không đủ điều kiện áp dụng án treo, đề nghị tăng hình phạt và áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị hại : Đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội có động cơ đê hèn, bị cáo đã lên kế hoạch truất quyền tài sản của bà N, đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d, g, p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được mình đã sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét ý kiến của người bị hại cho rằng Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: xác định tư cách bà Trần Thị L là người làm chứng, người giám hộ cho người bị hại là không đúng; vi phạm về thời hạn mở phiên toà, thủ tục hoãn phiên toà. Hội đồng xét xử thấy, trong vụ án này bà Trần Thị L là người biết được một số tình tiết trong vụ án, cụ thể tình tiết người bị hại là người khuyết tật, là một tình tiết quan trọng cần được xem xét trong vụ án, Toà án cấp sơ thẩm ban đầu xác định bà Trần Thị L tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là đúng quy định tại Điều 66 Bộ luật tố tụng hình sự. Sau đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định bà L là người giám hộ cho người bị hại là chưa chính xác, người bị hại chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thuộc trường hợp phải có người giám hộ, thực tế người bị hại vẫn có thể tự sinh hoạt, có năng lực nhận thức đầy đủ. Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung của Toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ để đánh giá xem xét tình tiết quan trọng, có ý nghĩa định tội trong vụ án. Việc vi phạm thời hạn hoãn phiên toà và thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án không làm thay đổi bản chất vụ án. Xét các thiếu sót tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xem xét của người bị hại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của người bị hại còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người bị hại, cho rằng mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là không tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội, yêu cầu tăng hình phạt, xử phạt tù giam đối với bị cáo. Cụ thể: Không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "Có tính chất côn đồ", "Phạm tội vì động cơ đê hèn", "Phạm tội 02 lần trở lên", có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm. Bản án sơ thẩm chưa xem xét việc bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý ngày 9/4/2001, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy: quá trình khai báo tại cơ quan điều tra, tại phiên toà bị cáo đều thừa nhận hành vi đạp vào người bị hại dẫn tới thương tích, bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại cho người bị hại, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, rút đơn kháng cáo kêu oan, xin lỗi người bị hại nên có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết "Có tính chất côn đồ" xét thấy giữa bị cáo và người bị hại đã có nhiều mâu thuẫn căng thẳng, nặng nề từ trước khi xảy ra sự việc, hành vi của bị cáo là kết quả của chuỗi hành vi lời qua tiếng lại, cãi nhau căng thẳng tại cuộc họp công ty ngay trước đó, vì vậy hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết này theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không chính xác. Về tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn" xét thấy, hành vi của bị cáo là bộc phát sau khi tranh cãi gay gắt với người

bị hại tại Công ty, việc tranh chấp tài sản giữa bị cáo và người bị hại tại Công ty, tại gia đình chưa được làm rõ, hậu quả người bị hại nêu ra chỉ là suy đoán, không có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi gây thương tích của bị cáo đối với những vấn đề tranh chấp tài sản giữa hai bên để có cơ sở khẳng định động cơ phạm tội của bị cáo là đê hèn. Về tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên", bị cáo ngoài hành vi cố ý gây thương tích đang bị xem xét thì các hành vi người bị hại nêu ra trong các ngày 09/3/2023, 19/11/2022 đều chưa bị xử lý nên không có căn cứ xác định lần phạm tội này là phạm tội hai lần trở lên. Về tiền sự năm 2001 của bị cáo đã được bị cáo chấp hành, theo quy định pháp luật đã được xoá từ lâu, từ năm 2001 đến nay bị cáo không có hành vi phạm pháp luật nào bị phát hiện, xử lý, bị cáo đủ điện kiện để được đánh giá là có nhân thân tốt. Với những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo nêu trên của người bị hại.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 13/3/2023 tại Công ty Cổ phần D3, trong cuộc họp giao ban của công ty do có mâu thuẫn lời qua tiếng lại với bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Trọng V đã có hành vi ném quyển sổ về phía bà Nguyễn Thị Bích N đang ngồi trên ghế của phòng họp nhưng không trúng. Sau đó, V đi đến gần bà N và dùng chân phải đạp vào bên phải người bà N làm bà N bị ngã nghiêng người sang trái xuống nền nhà. Hậu quả: bà N bị thương tích gãy xương bàn III, IV bàn tay trái với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 10%. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, buộc phải biết sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhận thức được hậu quả nhưng không kiềm chế được bản thân nên đã vi phạm pháp luật. Bị cáo có hành vi gây thương tích 10% với bị hại là người không có khả năng tự vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Do vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của của bị cáo nhằm bảo đảm tính giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho người bị hại và đã thoả thuận xong mức bồi thường tại phiên toà sơ thẩm, thể hiện bị cáo có trách nhiệm về phần hậu quả gây ra. Quá trình công tác và sinh hoạt tại địa phường bị cáo có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động xã hội, được tặng thưởng Giấy khen. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xuất

trình Biên lai đã nộp tiếp số tiền 200.000.000 đồng bồi thường cho người bị hại, tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện ý thức ăn năn hối cải và trách nhiệm của bị cáo.

Về mức hình phạt: Xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Việc áp dụng án treo cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và áp dụng hình phạt tù giam của người bị hại.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm việc áp dụng tình tiết Có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là chưa chính xác và các thiếu sót về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, thời hạn hoãn phiên toà và xác định tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về án phí: Đây là vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, người bị hại kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên xét người bị hại là người khuyết tật nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 21/2/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng V phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 134; điểm s, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trọng V 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng V cho Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Trọng V đã thực hiện xong phần trách nhiệm dân sự, bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Bích N số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng theo các Biên lai thu tiền số 0016465 ngày 5/11/2024 tại Chi cục thi hành dân sự huyện T, thành phố Hà Nội; Biên lai số 0016735 ngày 26/5/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Người bị hại Nguyễn Thị Bích N

được nhận số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Trọng V đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0016748 ngày 9/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và 10.000.000 (Mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0016747 ngày 9/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2. Về án phí**:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại Nguyễn Thị Bích N được miễn nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND h. Thường Tín, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Tú